

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 318/2023/DS-PT
Ngày: 11 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài
sản và thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng

Ông Đỗ Cao Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2023/TLPT-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản và thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Kim T (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị C (X), sinh năm: 1955;
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1956 (có mặt);
- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1958 (có mặt);
- Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm: 1961;
- Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1969;
- Ông Nguyễn Hoàng T2, sinh năm: 1972;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Nguyễn Công B, sinh năm: 1951; Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm: 1948; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1: Ông Phan Hoàng B1, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Đường H, khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1: Luật sư Nguyễn Văn T3 - Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim T4, sinh năm: 1964; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Kim Q, sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Thanh T5 - Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Hải H1, sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Anh Nguyễn Việt T6, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Văn phòng C1; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C (Xê); bà Nguyễn Thị G; ông Nguyễn Văn H (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn); bà Nguyễn Kim T4 (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử, vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T có tài sản chung là phần đất có diện tích 11.700m² tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C002101 ngày 09/3/1994, do ông Lê Văn T8 đứng tên. Ngày 10/7/2018, ông Nguyễn Văn T7 đã lập hợp đồng tặng cho toàn bộ phần đất trên cho bà Nguyễn Kim T4 (bà Nguyễn Kim T4 là con và ở cùng ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T), hợp đồng được Công chứng chứng thực tại Văn phòng C1 và đã được Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Trần Văn T9 điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Kim T4 vào ngày 11/7/2018. Đến ngày 09/10/2019, ông Nguyễn Văn T7 chết, đến ngày 11/11/2019 bà Lê Kim T họp gia đình, lập di chúc để phân chia đất cho các con thì phát hiện phần đất đã được ông

Nguyễn Văn T7 tặng cho bà Nguyễn Kim T4. Tháng 3/2021, bà Nguyễn Kim T4 đã chuyển nhượng cho ông Dương Hải H1 diện tích đất 1.916,3m² với giá 290.000.000 đồng, ông Dương Hải H1 đã trả được 220.000.000 đồng còn lại 70.000.000 đồng chờ sau khi bà Nguyễn Kim T4 tách quyền sử dụng đất và giao đất sẽ thanh toán. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị T10, Ủy ban nhân dân huyện T đã thu hồi phần đất mà ông Nguyễn Văn T7 tặng cho bà N Kim Thanh với diện tích 2.845,2m², theo phương án bồi thường được UBND huyện T phê duyệt (theo Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 và Quyết định số 5855/QĐ-UBND ngày 25/11/2021) tổng cộng các khoản bồi thường là 1.541.247.584 đồng hiện đang do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau tạm quản lý. Ngày 09/7/2021, bà Lê Kim T khởi kiện bà Nguyễn Kim T4, yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho tài sản lập ngày 10/7/2018 giữa ông Nguyễn Văn T7 với bà Nguyễn Kim T4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 11/9/2021 thì bà Lê Kim T chết. Bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Công B (là con của ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T) kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Kim T đã giữ y yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T và yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản do ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T để lại là phần đất và số tiền do Nhà nước bồi thường về đất.

Theo bà Lê Kim T cho rằng: Việc ông Nguyễn Văn T7 tặng cho bà Nguyễn Kim T4 toàn bộ phần đất nêu trên là không đúng vì việc tặng cho là do bà Nguyễn Kim T4 giả mạo chữ ký của ông Nguyễn Văn T7 để hợp thức cho hợp đồng tặng cho và phần đất trên là tài sản chung của vợ chồng trong khi bà không biết và cũng không đồng ý việc tặng cho tài sản, nên bà yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/7/2018 giữa ông Nguyễn Văn T7 và bà Nguyễn Kim T4.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Minh T1 giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của bà Lê Kim T. Đồng thời khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất và giá trị đất được Nhà nước bồi thường của ông Nguyễn Văn T7 và bà Lê Kim T để lại cho 09 người thừa kế gồm: Nguyễn Thị A1, Nguyễn Công B, Nguyễn Thị C (X), Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị G, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Kim T4, Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Hoàng T2. Trong số tiền do Nhà nước bồi thường thì đối trừ, giao lại cho bà Nguyễn Thị G tiền chi phí di dời và cải táng phần mộ của ông Nguyễn Văn T7 tổng cộng là 358.000.000 đồng vì chi phí này đã được bà Nguyễn Thị G chi trả.

Bà Nguyễn Kim T4 cho rằng, do bà Lê Kim T bị bệnh nặng và mù hai mắt nên bà Lê Kim T đã ủy quyền ông Nguyễn Văn T7 tự lập hợp đồng tặng cho bà toàn bộ phần đất 11.700m² và đã được Cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đứng tên từ ngày 11/7/2018. Hiện nay, phần đất này được Nhà nước thu hồi 2.845,2m², diện tích còn lại theo đo đạc 7.405m², trong đó bà đã chuyển nhượng cho ông Dương Hải H1 diện tích 1.916,3m². Nay bà không đồng ý hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/7/2018.

Đồng thời, bà yêu cầu phản tố buộc bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng T2 giao lại toàn bộ diện tích đất 7.405m², toàn bộ căn nhà cấp 4 và đồ đạc trong nhà cho bà quản lý, sử dụng; yêu cầu bà Nguyễn Thị G bồi thường tiền mất thu nhập từ việc khai thác, sử dụng đất bằng số tiền 190.000.000 đồng; yêu cầu bà Nguyễn Thị C (Xê) và con bà Nguyễn Thị C là anh Nguyễn Việt T6 di dời nhà trả lại cho bà phần đất diện tích 86,9m². Yêu cầu công nhận số tiền do Nhà nước bồi thường về đất bị thu hồi tổng cộng là 1.538.247.584 đồng; Việc chuyển nhượng đất cho ông Dương Hải H1 thì bà đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 03/3/2021 và ngày 31/3/2021.

Ông Dương Hải H1 yêu cầu công nhận việc chuyển nhượng đất giữa ông với bà Nguyễn Kim T4 xác lập ngày 03/3/2021 và ngày 31/3/2021, bà Nguyễn Kim T4 có trách nhiệm thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng đất cho ông, ông giao trả tiếp số tiền còn lại là 70.000.000 đồng cho bà Nguyễn Kim T4.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1 rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất của ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T để lại, các yêu cầu khác giữ nguyên. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Kim T4. Đối với yêu cầu độc lập của ông Dương Hải H1 thì không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim T.

- Tuyên bố vô hiệu một phần tại Điều 1 - Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T7 với bà Nguyễn Kim T4 được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 10/7/2018. Giao cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc diện tích 3.702,5 m², vị trí thửa số 1 và 2 (trích thửa số 92, 113, tờ bản đồ địa chính số 12).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Kim T4. Công nhận có hiệu lực một phần tại Điều 1 - Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T7 với bà Nguyễn Kim T4 được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 10/7/2018 phần đất theo đo đạc diện tích 3.702,5m², vị trí thửa số 4 (trích thửa số 92, 113, tờ bản đồ địa chính số 12). Buộc bà Nguyễn Thị G chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận cho bà Nguyễn Kim T4 được quyền sử dụng diện tích 1.741,6m², thửa đất số 92, 113, tờ bản đồ địa chính số 12, vị trí một phần thửa số 4 (các điểm M8-M9-M10-M11-M13).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Dương Hải H1 về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 03/3/2021 và ngày 31/3/2021 giữa bà Nguyễn Kim T4 với ông Dương Hải H1, diện tích 1.916,3m² thửa đất số 92, 113, tờ bản đồ địa chính số 12, vị trí một phần thửa số 4 (các điểm M7-M8-M13-M15). Ông Dương Hải H1 có trách nhiệm trả tiếp cho bà Nguyễn Kim T4 số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Kim T4 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Hoàng T2 giao trả căn nhà và toàn bộ đồ đạc trong nhà do bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Hoàng T2 quản lý.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Kim T4 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C (Xê) cùng với anh Nguyễn Việt T6 giao trả phần đất diện tích đất 86,9m².

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T4 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị G bồi thường khoản tiền mất thu nhập 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn về việc công nhận cho bị đơn được hưởng số tiền bồi thường là 671.823.792 đồng (Sáu trăm bảy mươi một triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng). Bà Nguyễn Thị G được nhận số tiền chi phí di dời cải táng mộ và xây nhà mộ cho ông Nguyễn Văn T7 là 197.600.000 đồng và ½ số tiền bồi thường 671.823.792 đồng, tổng cộng 869.423.792 đồng (Tám trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng). Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau có nghĩa vụ giao cho bị đơn được nhận số tiền 671.823.792 đồng và bà Nguyễn Thị G được nhận tổng số tiền 869.423.792 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Minh T1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2023, bà Nguyễn Thị G kháng cáo; ngày 13/4/2023 bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T và chấp nhận yêu cầu về việc chia thừa kế đối với phần đất và tiền bồi thường về đất của bà Lê Kim T, ông Nguyễn Văn T7 đề lại.

Ngày 13/4/2023, bà Nguyễn Kim T4 kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng giao nhà cho bà Nguyễn Thị G quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng thì phải buộc bà Nguyễn Thị G trả lại chi phí xây dựng nhà bằng 280.000.000 đồng; yêu cầu được hưởng tiền hỗ trợ di dời cây cảnh do Nhà nước bồi thường bằng 33.000.000 đồng và chỉ chấp nhận đối trừ về chi phí công thợ trong việc di dời, cải táng mộ của ông Nguyễn Văn T7 là 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Nguyễn Kim T4 thay đổi một phần nội dung kháng cáo, cụ thể là không kháng cáo đối với chi phí cải táng, di dời mộ của ông Nguyễn Văn T7 và giữ y nội dung kháng cáo còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn

cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị C (X), bà Nguyễn Kim T4 trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với bà Nguyễn Kim T4 thay đổi một phần nội dung kháng cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Kim T (*do người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn thực hiện*) về việc Hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Nguyễn Văn T7 và bà Nguyễn Kim T4 cho thấy: Bà Lê Kim T và tất cả những người con của ông Nguyễn Văn T7 và bà Lê Kim T đều thừa nhận là phần đất có diện tích 11.700m² tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C002101 ngày 09/3/1994, do ông Nguyễn Văn T7 đứng tên là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T. Phần đất này đã được Nhà nước thu hồi diện tích 2.845,2m² để thực hiện dự án giao thông, giá trị đất và tài sản gắn liền với đất bị thu hồi được bồi thường bằng tổng số tiền 1.541.247.584 đồng, theo đo đạc thực tế thì phần diện tích đất còn lại là 7.405m². Do vậy, phần diện tích đất 7.405m² và số tiền 1.541.247.584 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1 thống nhất ý kiến với bà Nguyễn Kim T4 là số tiền do Nhà nước bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất bằng 1.541.247.584 đồng được trừ cho số tiền cải táng, di dời mộ của ông Nguyễn Văn T7 theo xác định của án sơ thẩm là 197.600.000 đồng và số tiền cải táng, di dời mộ này được trả lại cho bà Nguyễn Thị G, vì bà Nguyễn Thị G đã chi trả xong số tiền trên. Số tiền còn lại là 1.343.647.584 đồng được xem là tài sản của ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T để lại và được xem xét giải quyết trong tranh chấp về Hợp đồng tặng cho tài sản.

Khi ông Nguyễn Văn T7 lập “Hợp đồng tặng cho tài sản” toàn bộ tài sản chung của ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T cho bà Nguyễn Kim T4 nhưng không có sự đồng ý của bà Lê Kim T là không phù hợp với quy định của pháp luật, không bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản chung của bà Lê Kim T. Theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về tài sản chung của vợ chồng thì ông Nguyễn Văn T7 chỉ được quyền định đoạt ½ tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng, phần còn lại thuộc quyền định đoạt của bà Lê Kim T. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Hợp đồng tặng cho tài sản” xác lập ngày 10/7/2018 giữa ông Nguyễn Văn T7 với bà Nguyễn Kim T4 bị vô hiệu một phần thuộc ½ tài sản thuộc quyền định đoạt của bà Lê Kim T là có căn cứ pháp luật.

Việc bà Lê Kim T cùng với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Kim T cho rằng bà Nguyễn Kim T4 mạo chữ ký của ông Nguyễn Văn T7 để

hợp thức cho việc tặng cho tài sản cũng như việc ông Nguyễn Văn T7 không còn minh mẫn khi tặng cho tài sản cho bà Nguyễn Kim T4 nhưng nguyên đơn không có căn cứ để chứng minh và cũng không yêu cầu giám định về chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Văn T7. Trong khi “Hợp đồng tặng cho tài sản” được chứng thực tại Văn phòng C1 có mặt của ông Nguyễn Văn T7 và bà Nguyễn Kim T4. Còn việc bà Nguyễn Kim T4 cho rằng bà Lê Kim T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T7 xác lập hợp đồng cho tài sản cho bà Nguyễn Kim T4 nhưng bà Nguyễn Kim T4 cũng không đưa ra chứng cứ nào cho việc ủy quyền như bà Nguyễn Kim T4 đã khai. Từ đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc hủy toàn bộ “Hợp đồng tặng cho tài sản” giữa ông Nguyễn Văn T7 với bà Nguyễn Kim T4.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị C (Xê) về việc chia thừa kế đối với tài sản do ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T để lại cho thấy: Trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T là 09 người con của ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T và cũng là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tô tụng của bà Lê Kim T cùng với bà Nguyễn Kim T4 là bị đơn trong vụ án. Đối với ông Nguyễn Công B, bà Nguyễn Thị A1 đều không có yêu cầu gì và cũng không có ý kiến về việc tranh chấp. Bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1 có khởi kiện để yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản do ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T để lại. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thì bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1 đã rút lại yêu cầu chia thừa kế và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1. Từ đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H về việc chia thừa kế là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn cho rằng việc phân chia $\frac{1}{2}$ tài sản cho bà Nguyễn Kim T4 là không phù hợp với phần đất trên thực địa mà Nhà nước thu hồi, bồi thường; phần đất và phần nhà do bà Nguyễn Thị G đang quản lý là thuộc diện thờ cúng. Tuy nhiên, việc chia $\frac{1}{2}$ tài sản cho bà Nguyễn Kim T4 là chia theo Hợp đồng tặng cho tài sản mà bà Nguyễn Kim T4 được công nhận chứ không phải chia di sản theo di chúc. Việc chia đôi tài sản là dựa vào thực tế tài sản có trên thực địa và phần tài sản này bằng với phần tài sản mà bà Lê Kim T được hưởng thuộc diện tài sản chung của vợ chồng, nên khi bà Lê Kim T chết thì phần tài sản của bà Lê Kim T để lại là di sản thuộc diện thừa kế là phần đất còn lại là 3.702.5m² (trên đất có các căn nhà do bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị C (X) quản lý) và số tiền do Nhà nước bồi thường là 671.823.792 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Kim T4 cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ông Nguyễn Văn T7 tặng cho tài sản cho bà Nguyễn Kim T4 chỉ có hiệu lực $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung của ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T nên chỉ công nhận

cho bà Nguyễn Kim T4 $\frac{1}{2}$ diện tích đất bằng 3.702,5m² và số tiền mà Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất sau khi trừ các chi phí cải táng, di dời mộ của ông Nguyễn Văn T7 là 197.600.000 đồng, bà Nguyễn Kim T4 được nhận 671.823.792 đồng, bà Nguyễn Kim T4 chấp nhận về diện tích đất được công nhận nên không kháng cáo; rút lại kháng cáo về chi phí cải táng, di dời mộ mà chỉ kháng cáo đối với chi phí hỗ trợ di dời cây cảnh là 33.000.000 đồng mà bà Nguyễn Kim T4 yêu cầu được hưởng. Đồng thời bà Nguyễn Kim T4 cũng không kháng cáo về việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim T4 đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng T2 giao trả lại nhà mà chỉ kháng cáo yêu cầu được hoàn trả tiền đầu tư xây cất nhà là 280.000.000 đồng; không kháng cáo về việc bồi thường tiền mất thu nhập 190.000.000 đồng, yêu cầu bà Nguyễn Thị C (Xê), anh Nguyễn Việt T6 di dời nhà trả lại cho bà phân đất diện tích 86,9m².

Xét thấy, việc Nhà nước hỗ trợ chi phí di dời cây cảnh với số tiền là 33.000.000 đồng thì giữa bà Nguyễn Kim T4 và bà Nguyễn Thị G tranh chấp với nhau, ai cũng cho rằng cây cảnh do mình trồng nhưng kể cả bà Nguyễn Kim T4, bà Nguyễn Thị G đều không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Khi Nhà nước thu hồi đất thì được ghi nhận tên người sử dụng là bà Nguyễn Kim T4 nhưng thực tế thì đây còn là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T và các bên đã có tranh chấp trong việc tặng cho tài sản. Chính vì vậy, chi phí này được xem là tài sản chung trong khối tài sản của bà Lê Kim T, ông Nguyễn Văn T7, nên việc công nhận hiệu lực đối với $\frac{1}{2}$ tài sản trong Hợp đồng tặng cho tài sản của ông Nguyễn Văn T7 cho bà Nguyễn Kim T4 thì đương nhiên bà Nguyễn Kim T4 cũng được hưởng toàn bộ $\frac{1}{2}$ số tiền mà Nhà nước bồi thường.

Trong khoảng Nhà nước bồi thường có bao gồm tiền di dời mộ và tại phiên tòa phúc thẩm các bên đã thống nhất số tiền chi phí này bằng 197.600.000 đồng được đối trừ vào số tiền do Nhà nước bồi thường, số còn lại được xem để giải quyết tranh chấp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị G để trừ đi các chi phí trong việc di dời mộ của ông Nguyễn Văn T7 trước khi chia phần cho bà Nguyễn Kim T4, số tiền mà bà Nguyễn Kim T4 được nhận bằng 671.823.792 đồng là phù hợp và có căn cứ. Kháng cáo của bà Nguyễn Kim T4 về việc được nhận toàn bộ chi phí hỗ trợ di dời cây cảnh 33.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Kim T4 yêu cầu bà Nguyễn Thị G trả lại tiền xây dựng nhà bằng 280.000.000 đồng nhưng tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Kim T4 không cung cấp thêm được chứng cứ gì để chứng minh cho việc bỏ ra số tiền 280.000.000 đồng để đầu tư xây dựng nhà cho ông Nguyễn Văn T7, bà Lê Kim T. Từ đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim T4.

[5] Tuy nhiên, căn nhà đang do bà Nguyễn Thị G quản lý mà các bên tranh chấp với nhau về tiền đầu tư xây dựng cùng với phần đất đang do bà Nguyễn Thị C (Xê) cất nhà ở đều đang tồn tại trên phần đất 3.702,5m² được xác định là phần tài sản của bà Lê Kim T cùng với số tiền do Nhà nước bồi thường là 671.823.792 đồng đang thuộc khối di sản do bà Lê Kim T để lại. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị C

(X), ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1 rút lại yêu cầu chia thừa kế, các đồng thừa kế khác kể cả bà Nguyễn Kim T4 cũng không có yêu cầu chia thừa kế, từ đó cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh T1. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xem xét và giải quyết các yêu cầu liên quan đến phần di sản thừa kế của bà Lê Kim T trong khi các đồng thừa kế không có ai yêu cầu chia thừa kế, là không đúng với quy định của pháp luật. Cụ thể là cấp sơ thẩm dựa trên di chúc của bà Lê Kim T lập ngày 11/11/2019 để giao cho bà Nguyễn Thị G toàn bộ nhà và phần đất 3.702,5m² cùng số tiền do Nhà nước bồi thường là 671.823.792 (thuộc khối di sản của bà Lê Kim T để lại) kể cả việc nhận định phần đất 86,9m² do bà Nguyễn Thị C (Xê) cùng với anh Nguyễn Việt T6 quản lý đã được bà Lê Kim T cho theo nội dung di chúc lập ngày 11/11/2019; xem xét đến yêu cầu của bà Nguyễn Kim T4 trong việc đòi lại tiền đầu tư xây cất nhà...Lẽ ra, tất cả những yêu cầu của các đương sự liên quan đến phần di sản để lại của bà Lê Kim T chỉ được xem xét giải quyết khi có người thừa kế yêu cầu chia thừa kế. Chính từ lẽ đó, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời liên quan đến yêu cầu của bà Nguyễn Kim T4 về việc buộc bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng T2 giao trả căn nhà đang do bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng T2 quản lý, tiền đầu tư xây cất nhà theo yêu cầu của bà Nguyễn Kim T4; phần đất 86,9m² đang do bà Nguyễn Thị C (Xê), anh Nguyễn Việt T6 quản lý cùng với việc chấp nhận cho bà Nguyễn Thị G được hưởng số tiền 671.823.792 đồng.

Tại phiên tòa, các đồng thừa kế đều thống nhất phần di sản của bà Lê Kim T để lại được tạm giao cho bà Nguyễn Thị G quản lý. Phần di sản do bà Lê Kim T để lại thuộc diện thừa kế bao gồm: phần diện tích đất 3.702,5m², các căn nhà của bà Lê Kim T để lại (nhà đang do bà Nguyễn Thị G quản lý) và số tiền 671.823.792 đồng (tiền đang do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau giữ) được tạm giao cho bà Nguyễn Thị G quản lý, tất cả các đồng thừa kế của bà Lê Kim T được quyền tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nếu không tự phân chia được thì được quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

[6] Đối với yêu cầu độc lập của ông Dương Hải H1, tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Dương Hải H1 và bà Nguyễn Kim T4 thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng được lập vào các ngày 03/3/2021 và ngày 31/3/2021. Diện tích phần đất mà bà Nguyễn Kim T4 chuyển nhượng cho ông Dương Hải H1 theo đo đạc thực tế là 1.916,3m² (*nằm ngoài diện tích đất nhà nước thu hồi*) và trong phạm vi phần đất mà bà Nguyễn Kim T4 được công nhận theo hợp đồng tặng cho tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng là có căn cứ, ông Dương Hải H1 và bà Nguyễn Kim T4 đều không kháng cáo. Tuy nhiên, bà Nguyễn Kim T4 thừa nhận là sau khi xét xử sơ thẩm thì ông Dương Hải H1 đã trả thêm được 20.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ 50.000.000 đồng. Nên cần thiết điều chỉnh số tiền chuyển nhượng đất còn lại để buộc ông Dương Hải H1 trả cho bà Nguyễn Kim T4.

[7] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị G; bà Nguyễn Thị C (X); ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T4. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[8] Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được công nhận.

[9] Bà Nguyễn Thị G; bà Nguyễn Thị C (X); ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T4 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T12.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ vào các Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 457, 459, 609, 612, 616, 617 của Bộ luật dân sự; Điều 188 của Luật Đất đai; Điều 33, 38 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim T và một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Kim T4.

Tuyên bố: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T7 với bà Nguyễn Kim T4 lập ngày 10/7/2018 bị vô hiệu đối với ½ tài sản theo hợp đồng tặng cho. Cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Kim T4 được công nhận quyền sử dụng đối với ½ diện tích đất (theo Hợp đồng tặng cho tài sản sau khi trừ diện tích đất bị thu hồi) bằng 3.702,5m², tọa lạc tại thửa 4 của bản Trích đo hiện trạng ngày 01/3/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH T13 tại Cà Mau, được giới hạn theo các mốc: M7; M9; M10; M11; M16 và được hưởng số tiền Nhà nước bồi thường do thu hồi đất bằng 671.823.792 đồng.

- Phần diện tích đất còn lại 3.730,5m², tọa lạc tại thửa số 2 của bản Trích đo hiện trạng ngày 01/3/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH T13 tại Cà Mau, được giới hạn theo các mốc: M3; M4; M5; M6; M7; M16; M18 thuộc quyền sử dụng của bà Lê Kim T cùng với số tiền được Nhà nước bồi thường do thu hồi đất bằng 671.823.792 đồng.

- Số tiền được Nhà nước bồi thường do thu hồi đất còn lại là 197.600.000 đồng được trả cho bà Nguyễn Thị G (thanh toán về chi phí cải táng, di dời mộ của ông Nguyễn Văn t).

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Minh T1.

2.3. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đối với việc công nhận số tiền 671.823.792 đồng (*tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất*) cho bà Nguyễn Thị G; các yêu cầu của bà Nguyễn Kim T4 liên quan đến việc đòi lại nhà do bà Nguyễn Thị G quản lý; đòi lại đất do bà Nguyễn Thị C (X) quản lý; tiền đầu tư xây cất nhà 280.000.000 đồng.

- Phần diện tích đất 3.730,5m²; Nhà do bà Nguyễn Thị G đang quản lý và số tiền 671.823.792 đồng là di sản thừa kế của bà Lê Kim T để lại, được tạm giao cho bà Nguyễn Thị G quản lý, các đồng thừa kế của bà Lê Kim T được quyền tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nếu không tự phân chia được thì được quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau được quyền chi trả số tiền Nhà nước bồi thường do thu hồi đất cho người nhận như sau: Bà Nguyễn Kim T4 được nhận số tiền 671.823.792 đồng; bà Nguyễn Thị G được nhận số tiền 869.423.792 đồng (trong đó có 197.600.000 đồng tiền cải táng, di dời mộ và 671.823.792 đồng là phần di sản của bà Lê Kim T được tạm giao cho bà Nguyễn Thị G quản lý).

2.4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Dương Hải H1. Buộc bà Nguyễn Kim T4 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 03/3/2021 và ngày 31/3/2021 giữa bà Nguyễn Kim T4 với ông Dương Hải H1 đối với diện tích phần đất chuyển nhượng là 1.916,3m²; vị trí phần đất tại một phần thửa số 4, của bản Trích đo hiện trạng ngày 01/3/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH T13 tại Cà Mau; được giới hạn theo các mốc: M7; M8; M13; M16. Trong đó, cạnh giáp ranh giải phóng mặt bằng M13, M16 được điều chỉnh độ dài bằng 37,65 mét tính từ mốc M16. Ông Dương Hải H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim T4 số tiền nhận chuyển nhượng đất còn lại là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

2.5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim T4 về việc buộc bà Nguyễn Thị G bồi thường khoản tiền mất thu nhập 190.000.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng, buộc bà Nguyễn Kim T4 hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 4.152.000 đồng (*Bốn triệu một trăm năm mươi hai ngàn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Kim T được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Minh T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006048 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Bà Nguyễn Kim T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 10.700.000 đồng, bà Nguyễn Kim T4 đã

dự nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004194 ngày 16/12/2021 và 4.750.000 đồng tại biên lai thu số 0005560 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu, bà Nguyễn Kim T4 còn phải nộp tiếp 5.650.000 đồng. Ông Dương Hải H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004284 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C (X), ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H2 lại cho bà Nguyễn Kim T4 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006559 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương

